

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2026

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, VIỆC BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ ÁN LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (HỢP NHẤT)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án Luật Ngân sách nhà nước (hợp nhất). Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự án Luật

Căn cứ Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng dự án Luật Ngân sách nhà nước trên cơ sở hợp nhất Luật Đầu tư công với Luật Ngân sách nhà nước, trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2. Việc xây dựng dự án Luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục thông thường theo Nghị quyết số 16/2026/UBTVQH16 ngày 20/8/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ đã trình Quốc hội các định hướng xây dựng dự án Luật tại Tờ trình số 477/TTr-CP ngày 02/8/2026. Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 điều chỉnh quá trình lập, phân bổ, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, công khai và giám sát ngân sách, bao gồm cả chi ngân sách nhà nước cho đầu tư công; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15, điều chỉnh toàn bộ quá trình quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, từ lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, lập và giao kế hoạch vốn, triển khai thực hiện đến nghiệm thu, bàn giao và quyết toán. Một khoản vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước vì vậy đồng thời chịu sự điều chỉnh của hai quy trình, làm phát sinh giao thoa về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thời hạn và trách nhiệm giữa khâu lập, giao dự toán ngân sách nhà nước với khâu lập, giao kế

hoạch vốn đầu tư công; các cơ quan, đơn vị phải thực hiện nhiều quy trình, thủ tục trùng lặp, lấy ý kiến nhiều cơ quan trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Cùng với đó, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hợp nhất thành Bộ Tài chính, ở địa phương Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hợp nhất thành Sở Tài chính, trong khi việc quản lý ngân sách nhà nước, trong đó bao gồm vốn đầu tư công, vẫn vận hành theo hai hệ thống pháp lý khác nhau.

Dự thảo Luật kế thừa kết cấu và bố cục của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; các nội dung của Luật Đầu tư công hiện hành được hợp nhất, giản lược và đưa vào các chương, điều, khoản tương ứng, các nội dung mang tính đặc thù về chương trình, dự án đầu tư công được quy định tại một chương riêng. Dự thảo Luật gồm 10 chương, 103 Điều.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

a) Mục đích: xác định đầy đủ thủ tục hành chính và thủ tục nội bộ được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc giữ nguyên tại dự thảo Luật; đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ của các thủ tục này; đánh giá việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới và việc thực hiện chính sách dân tộc, làm cơ sở tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật trước khi trình Quốc hội.

b) Yêu cầu: việc đánh giá bám sát quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 2/VBHN-VPCP), Điều 5 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; các nguyên tắc phân quyền, phân cấp quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; đồng thời tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp ngày 04/8/2026 về việc rà soát các thủ tục hành chính mới phát sinh và các thủ tục nội bộ trong dự thảo Luật.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính

a) Số lượng, tên thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Luật

Qua rà soát toàn bộ 103 Điều của dự thảo Luật, dự thảo Luật không quy định thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới, không sửa đổi, bổ sung, không

bãi bỏ và không giữ nguyên thủ tục hành chính nào thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

Các trình tự, thủ tục quy định tại dự thảo Luật, bao gồm: lập kế hoạch tài chính 05 năm (Chương IV); lập, thẩm định, quyết định, phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước (Chương V và Chương VI); quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, điều chỉnh, theo dõi, kiểm tra, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công (Chương VII); kế toán, kiểm toán và quyết toán ngân sách nhà nước (Chương VIII); công khai, giám sát ngân sách nhà nước (Chương IX), đều được thực hiện trong nội bộ một cơ quan nhà nước hoặc giữa các cơ quan nhà nước với nhau, không nhằm giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức. Do đó, các trình tự, thủ tục này không phải là thủ tục hành chính theo khoản 1 Điều 3 và thuộc trường hợp không điều chỉnh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

Đối với các quy định của dự thảo Luật có liên quan đến tổ chức, cá nhân ngoài khu vực nhà nước, gồm nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước, trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán với cơ quan tài chính đối với khoản vốn, kinh phí được Nhà nước trợ cấp, hỗ trợ (khoản 1 Điều 35); quyền và trách nhiệm của tổ chức tư vấn thiết kế, cơ quan, tổ chức thẩm định, Ban quản lý chương trình, dự án (các khoản 3, 4 và 5 Điều 35); quyền được cung cấp thông tin và tham gia giám sát cộng đồng (Điều 97 và Điều 98), dự thảo Luật chỉ quy định về quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ mà không quy định trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, yêu cầu, điều kiện để cơ quan nhà nước giải quyết công việc cho các đối tượng này; trình tự, thủ tục cụ thể thực hiện theo pháp luật về thuế, phí và lệ phí, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Đối với chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (Điều 99), dự thảo Luật quy định việc quản lý, sử dụng nguồn vốn này thực hiện theo quy định đối với chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công, riêng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, lập danh mục và mức chi đầu tư 05 năm, lập, phê duyệt, giao dự toán chi hằng năm do Chính phủ quy định; thủ tục hành chính (nếu có) đối với các nội dung này sẽ được đánh giá khi xây dựng nghị định quy định chi tiết.

Do dự thảo Luật không quy định thủ tục hành chính, hồ sơ dự án Luật không kèm theo Biểu mẫu đánh giá tác động thủ tục hành chính và Biểu mẫu

tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

b) Kết quả rà soát thủ tục nội bộ

Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định về việc rà soát các thủ tục nội bộ có thể phát sinh trong quá trình triển khai, Bộ Tài chính đã rà soát và xác định dự thảo Luật không làm phát sinh thủ tục nội bộ mới, trừ việc bộ quản lý ngành, lĩnh vực lấy ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính về khả năng cân đối nguồn lực trước khi ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật có tác động tới chi ngân sách nhà nước và trước khi trình Chính phủ ban hành văn bản có nội dung về định mức, mức chi ngân sách nhà nước (khoản 5 và khoản 6 Điều 30), nhằm bảo đảm nguyên tắc chỉ ban hành chính sách, chế độ, định mức, mức chi khi đã cân đối được nguồn thực hiện (khoản 4 Điều 10); đồng thời bãi bỏ, đơn giản hóa các thủ tục nội bộ sau:

(i) Bãi bỏ trình tự lập, thẩm định, trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quy định riêng tại Luật Đầu tư công; nội dung này được tích hợp vào kế hoạch tài chính 05 năm (các điều 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50 và 51 dự thảo Luật). Theo đó, thay vì Chính phủ đồng thời lập, trình Quốc hội phê duyệt song song kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia và kế hoạch đầu tư công trung hạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt hai kế hoạch, mỗi cấp chỉ còn lập, trình và phê duyệt một kế hoạch.

(ii) Bãi bỏ trình tự phân bổ, giao và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm quy định riêng tại Luật Đầu tư công; nội dung này được tích hợp vào quy trình phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán chi đầu tư công hằng năm (Điều 59, Điều 60 và khoản 2 Điều 63 dự thảo Luật).

(iii) Bãi bỏ thủ tục tổng hợp, báo cáo riêng về kế hoạch đầu tư công 05 năm của quốc gia và của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, do đã tích hợp vào nội dung báo cáo và nội dung phê duyệt kế hoạch tài chính 05 năm (Điều 47 và Điều 48 dự thảo Luật).

(iv) Đơn giản hóa thủ tục chuyển nguồn dự toán chi đầu tư công đối với nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu: thẩm quyền quyết định được giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thay vì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh như quy định hiện hành (điểm b khoản 6 Điều 86 dự thảo Luật), theo đó không còn khâu lập hồ sơ trình và chờ kỳ họp Hội đồng nhân dân.

(v) Đơn giản hóa thủ tục thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: dự thảo Luật xác định đây là một nội dung trong thẩm định chủ trương đầu tư

và phân cấp cho người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thẩm định đối với chương trình, dự án thuộc cấp mình quản lý trong hạn mức, chỉ trình Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định khi vượt hạn mức (Điều 79 dự thảo Luật).

(vi) Đơn giản hóa thủ tục gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án: Chính phủ chỉ trình Quốc hội xem xét, quyết định đối với chương trình mục tiêu quốc gia và dự án quan trọng quốc gia; việc gia hạn đối với các dự án khác thực hiện theo quy định của Chính phủ (điểm g khoản 1 Điều 74 dự thảo Luật).

(vii) Đơn giản hóa thủ tục bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: dự thảo Luật đưa nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư ra khỏi đối tượng chi đầu tư công (khoản 1 Điều 6) và xếp vào nhóm nhiệm vụ được bố trí từ hai nguồn chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên (khoản 2 Điều 40); theo đó, việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư không còn phụ thuộc vào việc nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đã có trong danh mục và mức chi đầu tư công 05 năm hay chưa, bỏ được khâu trình đưa nhiệm vụ này vào danh mục trước khi triển khai.

(viii) Bãi bỏ loại dự án đầu tư công cấp bách: dự thảo Luật không còn quy định khái niệm và trình tự riêng đối với dự án đầu tư công cấp bách (Điều 4), chỉ giữ dự án đầu tư công khẩn cấp; theo đó không còn hai nhóm trình tự song song cho cùng một nhu cầu xử lý gấp.

(ix) Đơn giản hóa thủ tục quyết định chủ trương đầu tư: dự thảo Luật bổ sung dự án nhóm C và dự án thuộc chương trình đầu tư công vào nhóm không phải quyết định chủ trương đầu tư (điểm e và điểm i khoản 6 Điều 76), trong khi khoản 6 Điều 19 Luật Đầu tư công hiện hành chỉ áp dụng đối với dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia và một số loại nhiệm vụ, dự án đặc thù; theo đó, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chỉ còn lập đối với chương trình đầu tư công và dự án nhóm B (khoản 28 Điều 4), dự án nhóm C chuyển thẳng sang bước lập, thẩm định, quyết định đầu tư.

(x) Đơn giản hóa thủ tục ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi ngân sách: Bộ Tài chính quyết định ban hành theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (khoản 3 Điều 27), không còn bước thống nhất với bộ quản lý ngành, lĩnh vực và trình Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến khi không thống nhất như quy định tại khoản 3 Điều 27 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

c) Đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ

- Về sự cần thiết: các trình tự, thủ tục quy định tại dự thảo Luật gắn trực tiếp với việc thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách, thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP; đồng thời là điều kiện để bảo đảm nguyên tắc “các khoản thu, chi ngân sách nhà nước phải được dự toán và do luật định” quy định tại khoản 2 Điều 55 Hiến pháp năm 2013.

- Về tính hợp lý: sau khi hợp nhất, mỗi nội dung quản lý chỉ còn một trình tự và một đầu mối tổng hợp, khắc phục tình trạng một khoản vốn đầu tư công phải đi qua hai quy trình song song; các nội dung về quy trình, thủ tục, hồ sơ và những vấn đề thường có biến động được giao Chính phủ quy định chi tiết, bảo đảm tính linh hoạt trong điều hành mà không tạo khoảng trống pháp lý.

- Về tính hợp pháp: các trình tự, thủ tục được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật đúng thẩm quyền theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm các nguyên tắc về tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ thực hiện, tiết kiệm thời gian và chi phí, tính liên thông và phân cấp rõ ràng quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

- Về chi phí tuân thủ: do không quy định thủ tục hành chính, dự thảo Luật không làm phát sinh chi phí tuân thủ đối với cá nhân, tổ chức. Đối với các cơ quan nhà nước, việc tích hợp kế hoạch đầu tư công 05 năm vào kế hoạch tài chính 05 năm và tích hợp kế hoạch đầu tư công hằng năm vào dự toán chi đầu tư công hằng năm làm giảm số lượng hồ sơ, báo cáo phải lập, số lượt trình và số văn bản phải ban hành ở cả cấp trung ương và cấp tỉnh, rút ngắn và thống nhất thời gian trong quy trình quản lý ngân sách; việc phân cấp thẩm quyền quyết định chuyển nguồn, thẩm định nguồn vốn và gia hạn thời gian bố trí vốn làm giảm số bước phải trình cấp trên trong quá trình chấp hành ngân sách; việc không phải quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm C và dự án thuộc chương trình đầu tư công giảm một bước lập, thẩm định hồ sơ trong khâu chuẩn bị đầu tư.

2. Việc phân quyền, phân cấp

a) Sự cần thiết của việc phân quyền, phân cấp

Việc phân quyền, phân cấp tại dự thảo Luật nhằm thể chế hóa yêu cầu phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa

phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, phù hợp với chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Bên cạnh đó, các nội dung phân định thẩm quyền trong lĩnh vực đầu tư công hiện đang được quy định tại Điều 7 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ, hết hiệu lực kể từ ngày 01/3/2027, cần được rà soát để quy định thống nhất tại Luật.

b) Thẩm quyền và nội dung phân quyền, phân cấp

- Phân cấp cho Chính phủ quy định chi tiết các nội dung mà Luật Đầu tư công hiện hành quy định trực tiếp, gồm: tiêu chí phân loại dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B và nhóm C (điểm a khoản 2 Điều 73); trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư và quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp (điểm d khoản 11 Điều 75, điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 80); trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công (điểm a khoản 5 Điều 81); việc gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án, trừ chương trình mục tiêu quốc gia và dự án quan trọng quốc gia (điểm g khoản 1 Điều 74); việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát chương trình, dự án đầu tư công (Điều 84); thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập danh mục và mức chi đầu tư 05 năm, lập, phê duyệt, giao dự toán chi hằng năm đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (khoản 2 Điều 99).

- Phân cấp cho Chính phủ quy định các nội dung mới bổ sung, gồm: trình tự, thủ tục dừng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài (khoản 22 Điều 25); quy trình đánh giá hiệu quả đầu tư chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công theo khoản 9 Điều 9 (khoản 26 Điều 25); thẩm quyền quyết định ứng trước dự toán ngân sách năm sau (khoản 2 Điều 67); việc bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư từ hai nguồn chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên (khoản 4 Điều 40); các trường hợp chuyển tiếp chưa được quy định tại Luật, sau khi báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến (khoản 7 Điều 102).

- Phân cấp thẩm quyền quyết định chuyển nguồn dự toán chi đầu tư công: người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương quyết định đối với nguồn vốn ngân sách trung ương được giao quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với nguồn vốn ngân sách trung ương bổ

sung có mục tiêu; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đối với nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp mình quản lý (khoản 6 Điều 86).

- Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp xã: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, bảo đảm cấp xã có đủ nguồn lực để vận hành quản trị công, tổ chức phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn (khoản 3 Điều 10, khoản 1 Điều 41); ngân sách cấp xã được phân cấp thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên (khoản 3 Điều 41). Đối với chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi ngân sách, Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành khung, mức tối đa hoặc tối thiểu; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương (khoản 11 Điều 25, điểm h khoản 10 Điều 31).

c) Điều kiện bảo đảm thực hiện nội dung được phân quyền, phân cấp

Dự thảo Luật giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục, hồ sơ đối với các nội dung được phân cấp, bảo đảm các cấp có căn cứ thống nhất để tổ chức thực hiện, không tạo khoảng trống pháp lý. Việc phân cấp thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn được gắn với hạn mức xác định theo mức chi đầu tư công đã được giao và với thứ tự ưu tiên bố trí vốn quy định tại Điều 49, bảo đảm cấp được phân cấp chỉ quyết định trong phạm vi nguồn lực của mình. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về ngân sách nhà nước, đầu tư công quy định tại Điều 16 là điều kiện kỹ thuật để các cấp thực hiện và đề cập trên theo dõi được toàn bộ vòng đời của chương trình, dự án sau khi phân cấp.

d) Việc kiểm tra, giám sát sau khi phân quyền, phân cấp

Dự thảo Luật quy định trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án đầu tư công (Điều 84); trách nhiệm của người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, chủ chương trình, chủ đầu tư về hậu quả do không tổ chức thực hiện theo dõi, đánh giá, kiểm tra hoặc không báo cáo theo quy định (điểm b khoản 6 Điều 35); trách nhiệm của người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp về danh mục, mức vốn được phép chuyển nguồn và về việc cam kết giải ngân toàn bộ số vốn được chuyển nguồn (điểm đ khoản 6 Điều 86). Cùng với đó là các quy

định về hành vi bị cấm (Điều 17), nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước (Điều 22), công khai ngân sách nhà nước (Điều 96), giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng và giám sát đầu tư công của cộng đồng (Điều 97 và Điều 98), và trách nhiệm đánh giá hiệu quả đầu tư công của các Bộ, địa phương, cơ quan, đơn vị từ khâu đề xuất, xây dựng dự án đến khâu tổ chức thực hiện, giải ngân vốn theo đúng dự toán được giao.

Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ Tài chính đã rà soát các quy định về thẩm quyền trong lĩnh vực đầu tư công theo hướng phân quyền tối đa cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gắn với năng lực thực thi; đồng thời rà soát các trường hợp phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ, cơ quan trung ương đối với dự án sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương để không phát sinh thêm thủ tục nội bộ giữa các cơ quan.

Trong khâu phân bổ, giao dự toán, cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra việc chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công có bảo đảm quy định về thời gian bố trí vốn và điều kiện bố trí dự toán chi đầu tư công hay không; trường hợp không bảo đảm, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ (khoản 2 Điều 59).

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Các quy định của dự thảo Luật

Dự thảo Luật bổ sung một điều riêng về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý ngân sách nhà nước (Điều 16), theo đó các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc lập dự toán, chấp hành, kế toán, quyết toán, công khai và giám sát ngân sách nhà nước; hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về ngân sách nhà nước được xây dựng, triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước, kết nối, liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính; Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về ngân sách nhà nước, đầu tư công, bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước và dữ liệu tài chính quốc gia; Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Cùng với đó, cơ quan, đơn vị có Cổng thông tin điện tử bắt buộc phải công khai ngân sách trên Cổng thông tin điện tử của mình và kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng số dùng chung quốc gia theo quy định của Chính phủ (điểm b khoản 1 Điều 96).

Dự thảo Luật bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Khoa học và Công nghệ (Điều 28) trong việc tổng hợp, đề xuất danh mục và mức chi đầu tư công 05 năm từ nguồn ngân sách trung ương cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm sự gắn kết giữa việc xây dựng, bố trí kế hoạch 05 năm với dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm cho lĩnh vực này; tổng hợp, đề xuất dự toán chi cho các nhiệm vụ phát sinh trong năm ngân sách thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo đề nghị của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ từ nguồn dự toán chưa phân bổ chi tiết, dự phòng, tăng thu và dự toán chi còn lại của ngân sách trung ương hằng năm. Dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa thực hiện hoặc chưa chi hết đến hết năm ngân sách được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện (điểm d khoản 3 Điều 86).

b) Yêu cầu về thể chế, hạ tầng, nhân lực và an toàn thông tin

Về thể chế, dự thảo Luật quy định nguyên tắc tại Luật và giao Chính phủ quy định chi tiết việc xây dựng, vận hành, kết nối, chia sẻ dữ liệu, phù hợp với pháp luật về giao dịch điện tử, dữ liệu và an ninh mạng. Về hạ tầng, việc xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về ngân sách nhà nước, đầu tư công được thực hiện thống nhất, do Bộ Tài chính chủ trì, kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính, tránh đầu tư phân tán, trùng lặp giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Về nhân lực, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách bố trí nhân lực trong biên chế hiện có và tổ chức tập huấn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Về an toàn thông tin, khoản 3 Điều 16 xác định rõ trách nhiệm bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước và dữ liệu tài chính quốc gia.

c) Các yếu tố ảnh hưởng, cơ chế phối hợp và nguồn lực thực hiện

Yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến việc triển khai là mức độ chuẩn hóa dữ liệu và mức độ liên thông giữa các hệ thống thông tin hiện có của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước, chủ đầu tư và các cơ quan quản lý chuyên ngành, cùng với sự khác biệt về điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin giữa các địa phương. Về cơ chế phối hợp, Bộ Tài chính chủ trì; Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp trong việc tổng hợp, đề xuất danh mục, mức chi và phân bổ dự toán chi cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương cập nhật, cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi quản lý. Về nguồn lực, kinh phí xây dựng, nâng cấp và vận hành hệ thống được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các cơ quan, không phát sinh nhiệm vụ chi ngoài dự toán.

Nội dung đánh giá tại mục này được xây dựng trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định và trao đổi với Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Luật không quy định nội dung về bình đẳng giới. Các quy định của dự thảo Luật điều chỉnh quan hệ giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị dự toán, chủ đầu tư trong quản lý ngân sách nhà nước và hoạt động đầu tư công; đối tượng thực hiện là cơ quan, tổ chức, đơn vị, không phân biệt giới tính của cá nhân tham gia thực hiện. Các quy định về quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan (Điều 35), quyền được cung cấp thông tin và tham gia giám sát cộng đồng (Điều 97 và Điều 98) được áp dụng chung, không đặt ra điều kiện, tiêu chuẩn khác nhau giữa nam và nữ.

Vì vậy, dự thảo Luật không làm phát sinh sự khác biệt về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới; bảo đảm phù hợp với Luật Bình đẳng giới và Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Hội đồng thẩm định cũng chưa phát hiện nội dung của dự thảo Luật ảnh hưởng tới việc bảo đảm bình đẳng giới.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Luật không quy định chính sách dân tộc cụ thể, nhưng có các quy định bảo đảm nguồn lực ngân sách nhà nước cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể:

- Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước được xây dựng theo các tiêu chí về dân số, điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng; ưu tiên xã an toàn khu, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khó khăn (điểm a khoản 2 Điều 42). Đây là cơ sở để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, bảo đảm địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nguồn lực thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, phần giao cho cấp dưới thực hiện (điểm b khoản 2 Điều 43).

- Việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia thuộc thẩm quyền của Quốc hội (điểm a khoản 1 Điều 75) và việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

được quy định riêng (Điều 84), bảo đảm nguồn lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quản lý và giám sát chặt chẽ.

Các quy định nêu trên phù hợp với nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, quyền bình đẳng giữa các dân tộc và các điều kiện bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ Tài chính đã rà soát để thống nhất thuật ngữ sử dụng tại điểm a khoản 2 Điều 42 với quy định của pháp luật hiện hành và bảo đảm phù hợp với Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

III. PHỤ LỤC

Không.

Trên đây là Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án Luật Ngân sách nhà nước (hợp nhất).

Bộ Tài chính kính báo cáo Chính phủ./.

BỘ TÀI CHÍNH